UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 471 /TB-STNMT

Gia Lai, ngày 16 tháng 12 năm 2020

THÔNG BÁO
Về việc công khai kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia lai về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước và Dự toán Đề án thăm dò khoáng sản (dự kiến) để đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2020.

Căn cứ Thông báo số 441/TB-STNMT ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc lựa chọn tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2020.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai thông báo công khai kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:

- Đơn vị có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đơn vị được giao thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: Tầng 6, Trụ sở liên cơ quan, số 17 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

2. Tên tài sản, số lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

Tài sản bán đấu giá: Quyền khai thác khoáng sản 10 khu vực mỏ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(có Phụ lục chi tiết từng khu vực mỏ và giá khởi điểm kèm theo)

3. Thông tin về đơn vị được lựa chọn để thực hiện cuộc đấu giá tài sản:

- Tên đơn vị: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Gia Lai (thuộc Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai).

- Địa chỉ: Số 46 đường Lê Thánh Tôn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Thù lao dịch vụ đấu giá: 38.410.000 đồng + 1,3 % trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm (theo Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính).

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai thông báo đến Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Gia Lai để tiến hành ký hợp đồng tổ chức đấu giá theo quy định và thông báo để các tổ chức, cá nhân khác có liên quan được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- Đ/c Giám đốc Sở (b/c);
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm DV ĐGTS tỉnh Gia Lai;
- Cổng Thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản - Bộ Tư pháp (đăng tải);
- Cổng Thông tin điện tử Tỉnh Gia Lai (đăng tải);
- Cổng Thông tin điện tử Sở TN&MT Gia Lai (đăng tải);
- Lưu VT, KS.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH GIA LAI

Lương Thanh Bình

Phụ lục:

THÔNG TIN CHI TIẾT 10 KHU VỰC MỎ ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 471 /TB-STNMT ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Số TT	Tên loại khoáng sản, vị trí khu vực	Diện tích dự kiến (ha)	Tài nguyên dự báo, Q (m^3)	Giá khởi điểm (mức thu), R (%)	Bước giá xác định theo mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Rbg (%)	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản dự kiến xác định với mức thu bằng giá khởi điểm, T (đồng)	Tiền đặt trước (làm tròn) (đồng)	Dự kiến dự toán Đề án thăm dò khoáng sản (làm tròn) (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= 15% x (7)	(9)
1	Khu vực mỏ số: 01- Mỏ cát xây dựng Làng Nú, xã Ia Khai, huyện Ia Grai (chiều dài khu vực mỏ khoảng 1.100 m, chiều rộng trung bình khoảng 50 m).	6,0	120.000	5	6% x R	1.488.375.000	223.300.000	349.100.000
2	Khu vực mỏ số: 02- Mỏ cát xây dựng xã Lơ Pang và xã Đak Djrăng, huyện Mang Yang (chiều dài khu vực mỏ khoảng 900 m, chiều rộng trung bình khoảng 30 m).	2,8	45.000	5	10% x R	558.140.625	83.700.000	282.700.000
3	Khu vực mỏ số: 03 - Mỏ đất sét làm gạch xã Ia Rmok, huyện Krông Pa	3,65	200.000	5	6% x R	1.381.590.000	207.200.000	353.200.000
4	Khu vực mỏ số: 04 - Mỏ cát xây dựng xã Chư Gu, huyện Krông Pa.	10,0	200.000	5	6% x R	2.480.625.000	372.100.000	423.400.000
5	Khu vực mỏ số: 05 - Mỏ đá xây dựng xã HBông, huyện Chư Sê.	2,98	298.000	3	6% x R	1.186.785.000	178.000.000	521.300.000
6	Khu vực mỏ số: 06 - Mỏ cát xây dựng xã Ia Mơ và xã Ia Ga, huyện Chư Prông (chiều dài khu vực mỏ khoảng 500 m, chiều rộng trung bình khoảng 30 m).	2,0	45.000	5	10% x R	558.140.625	83.700.000	250.700.000
7	Khu vực mỏ số: 07 - Mỏ cát xây dựng xã Ia Puch, huyện Chư Prông và xã Ia Pnôn, huyện Đức Cơ (chiều dài khu vực mỏ khoảng 1.000m, chiều rộng trung bình khoảng 30 m).	2,84	30.000	5	10% x R	372.093.750	55.800.000	283.400.000
8	Khu vực mỏ số: 08 - Mỏ đất san lấp xã Ia Ga, huyện Chư Prông.	3,33	450.000	3	10% x R	783.675.000	117.600.000	345.000.000

Số TT	Tên loại khoáng sản, vị trí khu vực	Diện tích dự kiến (ha)	Tài nguyên dự báo, Q (m^3)	Giá khởi điểm (mức thu), R (%)	Bước giá xác định theo mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Rbg (%)	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản dự kiến xác định với mức thu bằng giá khởi điểm, T (đồng)	Tiền đặt trước (làm tròn) (đồng)	Dự kiến dự toán Đề án thăm dò khoáng sản (làm tròn) (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= 15% x (7)	(9)
9	Khu vực mỏ số: 09 - Mỏ đất san lấp xã Thăng Hưng, huyện Chư Prông.	3,55	300.000	3	10% x R	522.450.000	78.400.000	354.300.000
10	Khu vực mỏ số: 10 - Mỏ đất san lấp xã Đông, huyện KBang.	5,21	521.000	3	10% x R	907.321.500	136.100.000	395.800.000